

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4267/UBND-KTTH
Về việc hướng dẫn thực hiện
dự toán thu NSNN và chi
NSDP năm 2020

Hà Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Kính gửi:

- Các Sở, ngành, đơn vị dự toán khối tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố;
- Cục Thuế, Cục Hải quan;
- Kho bạc nhà nước tỉnh/huyện.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 29/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2503/QĐ-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn một số điểm chủ yếu về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2020 (các nội dung không hướng dẫn thực hiện theo quy định hiện hành của Trung ương) như sau:

I. PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI

1. Năm 2020 tiếp tục thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách theo Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016 và Nghị quyết số 115/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 55/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016.

Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách, làm ngân sách huyện tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định về ngân sách cấp tỉnh số tăng thu này và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp huyện theo Khoản 7, Điều 9 - Luật NSNN năm 2015 để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tiếp tục thực hiện cơ chế cân đối nguồn thu tiền sử dụng đất trong dự toán ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Các huyện, thành phố sử dụng tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất để thực hiện

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ nguồn thu phát sinh và điều kiện thực tế UBND huyện/thành phố, báo cáo HĐND cùng cấp bố trí nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất (sau khi đã hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã cho ngân sách cấp xã để thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Thực hiện cơ chế cân đối nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết trong cân đối ngân sách địa phương và sử dụng toàn bộ nguồn thu này cho đầu tư phát triển, trong đó bố trí tối thiểu 60% số thu dự toán từ hoạt động xổ số kiến thiết do Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và lĩnh vực y tế; 10% dự toán thu để thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới. Còn lại bố trí cho các nhiệm vụ quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách tỉnh, huyện theo phân cấp quản lý.

Trường hợp trong năm có tăng thu XSKT so với dự toán giao. Các huyện, thành phố chủ động phân bổ chi đầu tư thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, trong đó ưu tiên chi các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, y tế, nông nghiệp, nông thôn.

II. PHÂN BỐ VÀ GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

A. Phân bổ và giao dự toán thu ngân sách

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giao nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2020 cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đảm bảo tối thiểu bằng mức dự toán thu ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Trong quá trình quyết định phân bổ dự toán thu, chi ngân sách, trường hợp Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định dự toán thu ngân sách cấp mình được hưởng cao hơn dự toán tỉnh giao, thì dự toán chi bố trí tăng thêm tương ứng (không kể tăng chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết), *sau khi dành 70% thực hiện cải cách tiền lương* theo quy định theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của BCH Trung ương; phần còn lại ưu tiên bố trí bổ sung dự phòng ngân sách địa phương để chủ động trong quá trình điều hành ngân sách, nguồn còn lại căn cứ khả năng thực hiện đạt dự toán thu thì phân bổ để xử lý thanh toán nợ khối lượng XDCCB (ưu tiên thanh toán nợ bồi thường GPMB) và những nhiệm vụ, chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2020 phải trên cơ sở rà soát, phân tích, đánh giá đầy đủ các nguồn thu phát sinh và kết quả thực hiện thu ngân sách năm 2019; căn cứ các chính sách, pháp luật về thu ngân sách; dự báo mức tăng trưởng kinh tế của từng ngành, từng lĩnh vực, tình hình sản xuất - kinh doanh của người nộp thuế trên địa bàn; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, chống thất thu thuế; ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, trốn thuế; tích cực đôn đốc thu hồi nợ thuế và áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế theo quy định, hạn chế nợ mới phát sinh, thu

hồi kịp thời số tiền thuế, tiền phạt và các khoản phải thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, kết luận của cơ quan thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

3. Trong phạm vi số thu phí, số phí nộp ngân sách đã giao, các cơ quan, đơn vị chủ động quản lý, sử dụng cho các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/08/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; đồng thời căn cứ quy định tại các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý thu, nộp và sử dụng phí và thực tế sử dụng nguồn thu phí được để lại theo quy định, các cơ quan, đơn vị lập, tổng hợp dự toán chi từ nguồn thu phí được để lại của các cơ quan, đơn vị trực thuộc gửi cơ quan tài chính kiểm tra cùng với phương án phân bổ ngân sách theo quy định để xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố giao nhiệm vụ thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật cho các đơn vị trực thuộc (nếu có).

5. Giao chi tiết nhiệm vụ thu cho từng cơ quan, đơn vị (thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp, thu dịch vụ, thu liên doanh, liên kết...) và xác định nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 từ số thu phát sinh tại cơ quan, đơn vị. Thu lệ phí nộp 100% số thu vào NSNN, đối với các khoản thu phí giao số nộp NSNN và số được để lại đơn vị phục vụ công tác thu (nếu có), nội dung chi từ nguồn thu được để lại.

B. Phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước

1. Phân bổ và giao dự toán chi đầu tư phát triển

- Phân bổ, giao dự toán chi đầu tư phát triển từ NSNN phải tuân thủ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Đầu tư công năm 2019, các văn bản hướng dẫn của Trung ương; Khoản 1, Điều 3 - Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và văn bản số 4106/UBND-KTTH ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh, về việc triển khai thực hiện các quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH và đầu tư công năm 2020.

- Thực hiện giao kế hoạch vốn đầu tư cho các chủ đầu tư chi cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục ngân sách.

- Đối với chương trình 01 triệu tấn xi măng: thực hiện theo Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 quy định về quản lý, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ từ NSNN theo cơ chế đặc thù đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc CTMTQG giai đoạn 2017-2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên trong cân đối ngân sách

- Dự toán chi thường xuyên năm 2020 được phân bổ theo định mức quy định tại Nghị quyết số 56/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016 của HĐND tỉnh, đã bao gồm: các chế độ, chính sách được Trung ương và tỉnh ban hành đến hết năm

2019; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng; đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên của bộ máy Nhà nước; bố trí nguồn thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH, quốc phòng - an ninh, tổ chức Đại hội thi đua yêu nước và Đại hội Đảng các cấp, thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh và các chính sách an sinh, xã hội, nhiệm vụ chi dự kiến phát sinh trong năm 2020.

- Dự toán chi ngân sách giao cho các huyện, thành phố và các đơn vị dự toán đã trừ số tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không bao gồm quỹ tiền lương, các khoản đóng góp, có tính chất lương và các khoản chi trực tiếp cho con người), 40% số thu được để lại theo chế độ quy định để thực hiện cải cách tiền lương năm 2020.

Ngoài số tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên để thực hiện chương trình 01 triệu tấn xi măng (Đề án 114) và thực hiện chế độ, chính sách do tỉnh ban hành.

- Phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên phù hợp với lộ trình thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy, thu sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đơn vị dự toán cấp I phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo khớp đúng dự toán được Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi; phân bổ dự toán chi phải bảo đảm về thời gian theo quy định, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, đảm bảo bố trí đủ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành, những nhiệm vụ quan trọng theo quy định của pháp luật, những nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

- Cấp huyện căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và nhiệm vụ giao của từng cơ quan, đơn vị, cấp xã và dự toán tỉnh giao để quyết định phân bổ và giao dự toán chi tiết, trong đó:

+ Dự toán chi của lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực khoa học và công nghệ: phân bổ, giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và cấp xã tối thiểu bằng dự toán UBND tỉnh giao.

+ Phân bổ dự toán chi phải bảo đảm về thời gian theo quy định, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, đảm bảo bố trí đủ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành, những nhiệm vụ quan trọng theo quy định của pháp luật, những nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

+ Chủ động lồng ghép các nguồn kinh phí được tỉnh giao (gồm đầu tư và chi thường xuyên) để thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, phân đấu lồng ghép tối thiểu 20% nhu cầu kinh phí thực hiện chương trình từ nguồn ngân sách huyện, thành phố.

+ Chủ động cân đối bố trí kinh phí thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở và triển khai thực hiện Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020; Đề án “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng giai đoạn 2019-2021”; thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số tại vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn; các mục tiêu, nhiệm vụ về bình đẳng giới theo khả năng cân đối ngân sách.

- Các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020, được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 31/5/2018 của Chính phủ về một số chính sách đối với hộ nghèo thiếu hụt đa chiều.

- Đối với các khoản thu lệ phí: bố trí từ NSNN kinh phí đảm bảo chi phí cho công tác thu tại cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu lệ phí.

- Đối với đơn vị dự toán cấp I (theo Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 và Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh) xây dựng phương án phân bổ chi thường xuyên, chi CTMTQG, CTMT giao cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc gửi Sở Tài chính thẩm định.

2.1. Chi tiết một số lĩnh vực trong dự toán chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo

Đã bao gồm kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; các chế độ, chính sách hỗ trợ học sinh (gồm chi trả qua dịch vụ bưu điện); các chương trình, đề án, kế hoạch của tỉnh như: Kế hoạch tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non, tiểu học vùng DTTS; Đề án nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với hợp tác Quốc tế và giải quyết việc làm; Đề án xây dựng xã hội học tập; giáo dục kỹ năng sống và văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số...); thí điểm chương trình sửa học đường; các nội dung chi khác thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo phát sinh trong năm...

- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng (trừ đào tạo nghề) để chi đào tạo, bồi dưỡng theo hướng dẫn của tỉnh, gồm: Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức (bao gồm đào tạo cán bộ, công chức xã theo Đề án 1956); đào tạo học sinh cử tuyển; đào tạo giáo viên đạt chuẩn giai đoạn 2019-2025; biên soạn bộ tài liệu giáo dục địa phương theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tập huấn chương trình giáo dục mới; hỗ trợ kinh phí đào tạo cán bộ ngành y tế (năm 2019, 2020); Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.



- Hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị, sửa chữa cơ sở vật chất khắc phục tình trạng xuống cấp cho các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn, trong đó ưu tiên các trường phân đấu đạt chuẩn và trường bán trú; đối ứng kinh phí để thực hiện CTMT giáo dục vùng núi, vùng DTTS, vùng khó khăn; hỗ trợ thực hiện Đề án chuyển học sinh tiểu học từ điểm trường về trường chính; hỗ trợ thực hiện tiêu chí giáo dục tại xã xây dựng nông thôn mới và xây dựng nhà vệ sinh cho các trường học theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Các huyện, thành phố phân bổ và giao cho cấp xã trong dự toán đầu năm kinh phí sửa chữa nhỏ, thường xuyên các trường học trên địa bàn xã, thực hiện theo yêu cầu thực tế phát sinh, nhằm chủ động khắc phục kịp thời những hư hỏng nhỏ, đảm bảo duy trì dạy và học tại các nhà trường (bố trí cho tất cả các trường học theo thực trạng trường lớp học, không sửa chữa lớn trường lớp học).

- Hỗ trợ công tác huấn luyện dân quân cấp xã mức bình quân 120 triệu đồng/xã: các huyện, thành phố phân bổ chi tiết cho các xã theo số đối tượng dân quân tham gia huấn luyện của từng xã, phường, thị trấn và chế độ, định mức chi ngay từ đầu năm để chủ động công tác huấn luyện theo kế hoạch.

- Hỗ trợ chi khen thưởng cho biên chế thuộc sự nghiệp giáo dục - đào tạo mức 450.000 đồng/biên chế, để đảm bảo mức chi khen thưởng theo Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ do tăng mức lương cơ sở.

- Đối với kinh phí thi đua, khen thưởng của ngành giáo dục và đào tạo: các huyện, thành phố phân bổ và quyết toán vào loại, khoản của Giáo dục và đào tạo.

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ bao gồm kế hoạch đột phá về khoa học công nghệ, trong đó:

- Ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ dự kiến kết thúc trong năm 2020, nhiệm vụ chuyển tiếp, phù hợp với tiến độ thực hiện của các đề tài đã được phê duyệt: thời gian hoàn thành xong trước 31/01/2019.

- Phân bổ cho các nhiệm vụ mới triển khai trong năm 2020: Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thẩm định kịp thời các đề tài, dự án được duyệt để trình UBND tỉnh phân bổ và giao dự toán kinh phí.

c) Sự nghiệp y tế

- Đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế; đảm bảo một phần quỹ tiền lương của các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện theo quy định (phần kinh phí còn thiếu sau khi đơn vị tự đảm bảo từ nguồn thu dịch vụ khám chữa bệnh).

- Bố trí lồng ghép nguồn sự nghiệp y tế, nguồn kinh phí các chương trình, dự án, mục tiêu để sửa chữa tài sản cố định, mua sắm trang thiết bị y tế cấp huyện, xã và thực hiện Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 04/3/2015 về bộ tiêu chí

quốc gia về y tế xã đến 2020; hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị y tế cho các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện phục vụ công tác khám chữa bệnh trên địa bàn.

- Đảm bảo kinh phí đóng và hỗ trợ đóng BHYT cho các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế và chính sách của tỉnh; kinh phí Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo theo Quyết định của UBND tỉnh.

- Bố trí kinh phí thực hiện chính sách dân số KHHGD và Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và CTMT Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 (nhiệm vụ do NSDP đảm bảo); thực hiện phòng, chống dịch bệnh và các kế hoạch, đề án của ngành y tế như: chiến lược quốc gia về dinh dưỡng, đề án kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, đề án bác sĩ gia đình và mô hình phòng khám, kế hoạch hành động chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, chương trình can thiệp giảm tác hại HIV/AIDS; tiêm chủng mở rộng; Melthadone, phòng chống sốt rét; mô hình cải thiện tình trạng dinh dưỡng...

- Đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 14/2013/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh.

d) Phân bổ và giao dự toán chi sự nghiệp kinh tế

- Sự nghiệp nông, lâm nghiệp: Lồng ghép với nguồn CTMTQG và CTMT khác trên địa bàn để thực hiện các đề án, kế hoạch thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp, đặc biệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tập trung nhiệm vụ đã phê duyệt trong năm 2019 còn thiếu kinh phí và sản phẩm có thể mạnh của tỉnh; phân bổ cụ thể nội dung công việc, địa điểm thực hiện, bố trí đối với từng nhiệm vụ từ nguồn sự nghiệp trong cân đối ngân sách; thực hiện Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về liên kết, tiêu thụ sản phẩm; đối ứng thực hiện CTMT và dự án ODA.

- Bổ sung định mức hỗ trợ kinh phí cải tạo, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường giao thông cấp huyện, tăng 10 triệu đồng/km so với định mức phân bổ tại Nghị quyết 56/2016/NQ-HĐND để thực hiện công tác cải tạo, sửa chữa và đảm bảo giao thông.

- Về kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: Thực hiện theo Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ, Nghị quyết của HĐND tỉnh về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2020; văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành TW và giá sản phẩm dịch vụ, định mức kinh tế - kỹ thuật tỉnh ban hành.

- Đối với chính sách hỗ trợ địa phương sản xuất lúa: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính.

- Kinh phí kiến thiết thị chính: cấp huyện phân bổ và giao kinh phí cùng với nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị thực hiện, chi tiết theo từng nhiệm vụ chi như: điện chiếu sáng công cộng, hệ thống cây xanh, hệ thống thoát nước thải...

Đối với thành phố Hà Giang, thực hiện một số nhiệm vụ kiến thiết thị chính theo đặt hàng của tỉnh từ nguồn kinh phí tỉnh giao bổ sung trong dự toán đầu năm.

- Sự nghiệp tài nguyên, địa chính: Cấp huyện căn cứ dự toán tỉnh giao, số thu tiền sử dụng đất bố trí tối thiểu 10% để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ đo đạc, xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính, xác định ranh giới cấm mốc giới đất có nguồn gốc nông lâm trường; tổng kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo Chỉ thị số 15/2019/CT-TTg ngày 15/6/2019; chỉnh lý biến động, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, thống kê đất đai toàn tỉnh, bảo quản hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo các Quyết định, chỉ thị của Chính phủ; thực hiện nhiệm vụ điều tra, đánh giá tài nguyên nước; tổng điều tra tài nguyên đất giai đoạn 2015-2020; thực hiện dự án ứng dụng CNTT trong diễn biến rừng và đất lâm nghiệp 2016-2020; cấm mốc ranh giới 3 loại rừng... (ưu tiên bố trí kinh phí đối với nhiệm vụ đã thực hiện từ năm 2019 còn thiếu kinh phí và các nhiệm vụ chuyển tiếp).

- Sự nghiệp giao thông:

+ Bố trí kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến đường giao thông thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý theo phân cấp, trong đó các huyện, thành phố phải bố trí dự toán để bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường thực hiện dự án LRAMP theo hướng dẫn của Sở Giao thông Vận tải với mức tối thiểu: đường huyện quản lý 21,2 triệu đồng/km; đường xã quản lý 2,5 triệu đồng/km, hợp đồng và giao cho thôn thực hiện (sau khi trừ số tiết kiệm 20% để thực hiện cải cách tiền lương và chế độ chính sách của tỉnh).

+ Hỗ trợ kinh phí rải thảm tuyến đường trung tâm thành phố Hà Giang, huyện Yên Minh, Xín Mần, đường bê tông xi măng đoạn từ chợ biên giới xã Nghĩa Thuận đến mốc 325 huyện Quản Bạ theo kết luận của Tỉnh ủy; hỗ trợ huyện Vị Xuyên, Bắc Quang hoàn thiện tiêu chí đô thị loại IV; hỗ trợ cải tạo, sửa chữa một số tuyến đường đảm bảo giao thông trên địa bàn huyện.

- Bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ khuyến công, xúc tiến công thương, du lịch thương mại (bao gồm kinh phí duy trì hoạt động của Trạm đón khách Cầu Trì, không gian trưng bày sản phẩm tại Hà Nội, tổ chức hội nghị kết nối cung cầu...); các hoạt động xúc tiến đầu tư...

- Bố trí kinh phí thực hiện Đề án thí điểm giãn dân ra biên giới tại huyện Đồng Văn và Xín Mần (phê duyệt tại Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày

12/3/2019 và Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 02/7/2019 của UBND tỉnh); hỗ trợ xây dựng làng văn hóa du lịch tiêu biểu gắn với phát triển du lịch thôn Nậm Đăm, xã Quán Bạ; xây dựng xã Quyết Tiến trở thành điểm du lịch kiểu mẫu gắn với xây dựng nông thôn mới theo Kết luận số 702-TB/TU ngày 15/8/2019 của Tỉnh ủy; thực hiện chương trình 01 triệu tấn xi măng (Đề án 114), hỗ trợ các xã nâng tiêu chí và phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020.

- Hỗ trợ các huyện, thành phố kinh phí ủy thác cho vay giải quyết việc làm cho đối tượng chính sách theo Thông báo kết luận số 220/TB-UBND ngày 03/9/2019 của UBND tỉnh (01 tỷ đồng/huyện, thành phố).

- Đối với kinh phí hỗ trợ huyện động lực: Các huyện, thành phố căn cứ phương án được UBND tỉnh phê duyệt, giao kinh phí để tổ chức thực hiện.

đ) Sự nghiệp môi trường

- Bố trí kinh phí xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, thực hiện nhiệm vụ vệ sinh môi trường xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải y tế, vệ sinh môi trường trong các trường học, xử lý các điểm nóng về môi trường và nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo kế hoạch tỉnh duyệt; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường tại địa phương có hoạt động khai thác khoáng sản.

Căn cứ tiến độ thu để phân bổ và giao dự toán chi từ nguồn cấp quyền khai thác khoáng sản và thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản NSDP được hưởng. Số thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được phân bổ cho các nội dung theo Nghị định số 164/2016 của Chính phủ.

- Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống cơ sở dữ liệu về quan trắc tài nguyên môi trường cấp tỉnh; mua trang thiết bị nghiệp vụ quan trắc môi trường theo quyết định tỉnh đã phê duyệt.

e) Sự nghiệp đảm bảo xã hội

Đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ trợ giúp thường xuyên và đột xuất, BHYT, mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật (mức chuẩn trợ giúp theo Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh); trợ cấp, cứu trợ đột xuất, hỗ trợ thiên tai, hỏa hoạn; thăm và tặng quà cho đối tượng người có công; chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi theo Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 và Nghị quyết số 53/2018 ngày 7/12/2018 của HĐND tỉnh (đối tượng từ tròn 90 trở lên do cấp tỉnh thực hiện; từ 75 đến 85 tuổi do cấp huyện thực hiện)...

Bố trí kinh phí kiểm tra việc rà soát, tổng hợp đối tượng do NSNN đóng và hỗ trợ đóng BHYT; rà soát hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số.

Căn cứ dự toán ngân sách giao, các huyện, thành phố phân bổ, giao dự toán kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, đảm bảo cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội nhận tiền hỗ trợ ngay từ đầu năm.

Lưu ý: Phân bổ ngay từ đầu năm đảm bảo đủ kinh phí chi chế độ trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội; số kinh phí còn lại căn cứ thực tế phát sinh để chi mai táng phí, cứu trợ hay trợ cấp đột xuất cho đối tượng.

Trường hợp cần cứu đói giáp hạt, cứu đói trong dịp tết nguyên đán cho các hộ dân đề nghị UBND các huyện, thành phố tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét đề nghị trung ương xuất cấp trước 30 ngày (việc sử dụng nguồn đảm bảo xã hội để mua gạo cứu đói phải có ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh).

g) Chi quản lý hành chính, Đảng, tổ chức chính trị - xã hội

- Đảm bảo kinh phí duy trì hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị bao gồm: hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW; hoạt động của khối Đảng phục vụ nhiệm vụ chính trị và Quyết định số 08-QĐ/TU ngày 12/6/2018 của BTV Tỉnh ủy (bổ sung 400 triệu đồng/huyện, thành phố); khen thưởng huy hiệu 30-80 năm tuổi đảng; khen thưởng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; hoạt động của HĐND 3 cấp theo Nghị quyết 28/2016/NQ-HĐND; chi phí tư vấn, giám sát và phản biện xã hội; phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn và khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, thôn tổ dân phố; hỗ trợ cuộc vận động toàn dân đoàn kết XDNTM, đô thị văn minh cấp xã, khu dân cư; ban thanh tra nhân dân; hoạt động cải cách tư pháp và công tác đối ngoại...

- Bộ trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng tự nguyện thôi việc, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu theo Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

- Bộ trí kinh phí thực hiện đề án đô thị thông minh, chính phủ điện tử, cải cách hành chính và ứng dụng CNTT trong QLNN của tỉnh; cải tạo, sửa chữa một số dự án và trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị; hỗ trợ kinh phí sửa xe ô tô cho các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố.

- Hỗ trợ kinh phí tổ chức đại hội thi đua yêu nước mức: 500 triệu đồng/đại hội cấp tỉnh; 300 triệu đồng/huyện, thành phố.

- Đối với kinh phí phục vụ tổ chức Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025: giao trong dự toán đầu năm cho các huyện, thành phố và đơn vị để chủ động thực hiện, trong đó:

+ Đại hội cấp tỉnh: 06 tỷ đồng.

+ Đại hội cấp huyện: Thành phố Hà Giang 600 triệu đồng; huyện Quản Bạ tổ chức đại hội điểm 1.000 triệu đồng; các huyện còn lại 800 triệu đồng/huyện).

+ Đại hội cấp xã: Hỗ trợ bình quân 80 triệu đồng/xã, phường, thị trấn; đại hội điểm cấp xã mức 100 triệu đồng).

+ Hỗ trợ kinh phí đại hội của các Đảng bộ thuộc Đảng ủy khối cơ quan - doanh nghiệp tỉnh (mức 40 triệu đồng/đảng ủy); Đảng bộ Công an, Biên phòng tỉnh hỗ trợ mức 100 triệu đồng/đơn vị; Đảng bộ BCH quân sự tỉnh 150 triệu đồng

(ĐH điểm); Đại hội đảng bộ khối các cơ quan, doanh nghiệp 350 triệu đồng và bố trí trong kinh phí giao về Văn phòng Tỉnh ủy (ngân sách Đảng).

Căn cứ kế hoạch tổ chức đại hội Đảng các cấp được phê duyệt và nguồn NSTW hỗ trợ kinh phí tổ chức đại hội cho tỉnh trong năm: sẽ thâm định và điều chỉnh, bổ sung kinh phí cho các huyện, thành phố và đơn vị theo thực tế.

- Tiếp tục hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị do tăng định mức chi công tác phí, hội nghị theo Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (mức hỗ trợ bằng dự toán 2019).

h) Phân bổ lĩnh vực quốc phòng, an ninh:

Hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ chi quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo phân cấp quản lý và khả năng cân đối ngân sách quy định tại Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ, trong đó:

- Thực hiện Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả bảo vệ ANTQ của lực lượng Công an xã, giai đoạn 2014-2020; Đề án nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác giám định cho Công an tỉnh.

- Thực hiện công tác quản lý biên giới, tuần tra song phương; giải quyết vụ việc trên biên giới (chống xâm canh lấn chiếm canh tác trên biên giới, buôn bán hàng giả, hàng lậu...); duy tu sửa chữa mốc giới, phát quang thông tầm nhìn đường biên giới; phong trào toàn dân bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Chính phủ; triển khai 3 hiệp định về quản lý biên giới; hoạt động của Tiểu ban công tác cửa khẩu, Ban đại diện biên giới...

- Chi trả phụ cấp thôn đội trưởng, công an viên, công an viên thường trực theo Nghị quyết 98/2013/NQ-HĐND, phụ cấp cán bộ dân quân; tổ chức huấn luyện và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ của địa phương; xây dựng và hoạt động của KVPT; tổ chức huy động lực lượng dự bị động viên; đảm bảo chế độ, chính sách đối với sỹ quan dự bị, công tác tuyển quân, phòng không nhân dân; hỗ trợ đảm bảo an ninh trật tự tuyến biên giới, nội địa, tinh báo, trinh sát và nghiệp vụ khác thuộc nhiệm vụ địa phương phải đảm bảo và hỗ trợ theo phân cấp quản lý.

i) Sự nghiệp văn hóa, thông tin và thể thao:

- Thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên; tổ chức và tham gia các giải thi đấu; huấn luyện thể thao tại trung ương và tỉnh theo Đề án phát triển thể dục thể thao thành tích cao; chế độ thù lao cho người đọc, nghe, xem, thâm định để kiểm tra báo chí lưu chiều theo Nghị quyết của HĐND tỉnh; nâng giải thưởng báo chí theo phê duyệt.

- Bố trí kinh phí thuê chuyên gia tư vấn và thực hiện các hoạt động xây dựng, bảo tồn, phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đòng

Văn; tổ chức các sự kiện, lễ hội, nhiệm vụ chính trị phục vụ Đại hội Đảng các cấp trong năm 2020.

- Thuê bao kênh phát sóng truyền hình lên vệ tinh; thuê dịch vụ công nghệ thông tin ứng dụng điện toán đám mây; chi nhuận bút; tiền điện, tiền trực, mua xe truyền hình lưu động và thiết bị truyền hình.

- Đảm bảo duy trì hoạt động công thông tin điện tử; cước đường truyền và duy trì hoạt động của hệ thống dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử liên thông; kết nối đường truyền của 11 điểm cầu; quản lý vận hành hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc; duy trì hoạt động cập nhật thông tin và dư luận xã hội... cho các cơ quan, đơn vị.

2.2. Một số nhiệm vụ chi giao dự toán đầu năm, sẽ thẩm định chi tiết trong năm

- Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh: Giao dự toán theo số đối tượng học sinh năm học 2019-2020, sẽ điều chỉnh (tăng/giảm) trong năm theo số học sinh thực tế được hưởng chính sách hỗ trợ (gồm học kỳ II năm học 2019-2020 và học kỳ I năm học 2020-2021).

- Chính sách đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật: Giao dự toán theo số đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đến hết năm 2019, trong năm sẽ tính toán điều chỉnh theo đối tượng tăng, giảm (nếu có).

- Thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội: điều chỉnh (tăng/giảm) trong năm sau khi có kết quả rà soát hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập năm 2019 và phê duyệt số hộ chính sách xã hội đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ năm 2020.

- Thực hiện chính sách tiền lương và một số chế độ phụ cấp, trợ cấp chưa được đảm bảo trong định mức phân bổ: Căn cứ quyết toán năm 2019 để thẩm định và điều chỉnh trong năm cùng với thời điểm thẩm định nguồn, nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 (mức lương cơ sở 1,6 triệu đồng).

3. Phân bổ và giao dự toán chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ khác

- Thực hiện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đảm bảo đúng mục tiêu, quy định của pháp luật đối với từng chương trình, dự án và từng nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền giao; theo hướng dẫn tại các Thông tư của Bộ Tài chính và Bộ ngành TW, đồng thời huy động hợp lý các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện 02 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu, trong đó:

+ Nguồn kinh phí sự nghiệp CTMTQG giảm nghèo bền vững: Giao dự toán trên cơ sở nội dung, dự án đã được phê duyệt, dành một phần bố trí cho các dự án mới (nếu có) theo Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của HĐND tỉnh và Quyết định 26/2018/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của UBND tỉnh.

+ Kinh phí phục vụ công tác đảm bảo trật tự ATGT: phân bổ và thực hiện theo Nghị quyết số 30/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Các huyện, thành phố cấp phát kinh phí cho đơn vị thực hiện bằng hình thức rút dự toán theo quy định tại Thông tư số 28/2019/TT-BTC ngày 21/5/2019 của Bộ Tài chính.

- Trong tháng 01/2020: các ngành, các huyện được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình xây dựng dự toán chi tiết, gửi cơ quan chủ trì chương trình mục tiêu tổng hợp gửi Sở Tài chính và Sở Kế hoạch Đầu tư phối hợp thẩm định, trình UBND tỉnh phân bổ.

- Căn cứ dự toán tỉnh giao, UBND các huyện, thành phố thực hiện phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, lồng ghép các nguồn lực, đúng mục tiêu, nội dung của từng chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền giao (chi tiết theo nội dung, dự án thành phần thực hiện từng CTMTQG cho các đơn vị trực thuộc phù hợp với nội dung, nhiệm vụ của từng chương trình, dự án và theo quy định hiện hành).

- Cùng với nguồn kinh phí thực hiện các CTMTQG do tỉnh giao, các huyện, thành phố lồng ghép cùng với nguồn ngân sách huyện (vốn đầu tư XDCB trong nước, thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, các nguồn kinh phí sự nghiệp...), huy động đóng góp của nhân dân và các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn và các chương trình, đề án của tỉnh; thực hiện các dự án đầu tư xây dựng thuộc CTMTQG theo cơ chế đặc thù theo Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của UBND tỉnh.

4. Phân bổ các khoản tỉnh vay lại từ nguồn vốn vay của Chính phủ

Phân bổ chi tiết cho từng đơn vị sử dụng, chi tiết theo từng chương trình, dự án (Tên dự án, nhà tài trợ, loại nguồn vốn vay/ vốn viện trợ, cơ chế tài chính, chi thường xuyên/chi đầu tư) và đảm bảo khớp đúng tổng mức dự toán chi đã được Thủ tướng Chính phủ giao.

5. Bố trí dự phòng ngân sách các cấp: Bằng 2% tổng chi cân đối ngân sách, các huyện thành phố bố trí dự phòng ngân sách cấp huyện, xã không thấp hơn mức dự phòng tỉnh giao để chủ động thực hiện các nhiệm vụ theo quy định Khoản 2, Điều 10 Luật ngân sách nhà nước.

6. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các xã, phường thị trấn thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, việc phân bổ và giao dự toán thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

Các huyện, thành phố giao kế hoạch vốn đầu tư chi tiết cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục ngân sách.

Đơn vị dự toán cấp I lập phương án phân bổ chi thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chi chương trình mục tiêu giao cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc, chi tiết đến Loại, Khoản và mã dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu theo Thông tư số 324/2016/TT-BTC 21/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mục lục ngân sách.

7. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại các Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, việc phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước căn cứ vào nhiệm vụ được giao năm 2020, phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp, dự toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tự bảo đảm chi thường xuyên, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên); dự toán chi tiết theo 2 phần: phần dự toán chi ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, phần dự toán chi nhiệm vụ không thường xuyên.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa được cơ quan có thẩm quyền giao tự chủ tài chính thì phân bổ và giao dự toán chi vào phần dự toán chi nhiệm vụ không thường xuyên.

8. Thời gian phân bổ, giao dự toán và nhập dự toán vào hệ thống thông tin quản lý NSNN và KBNN (TABMIS)

a) Thời gian phân bổ, giao dự toán: Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư số 88/ 2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2020.

b) Việc nhập dự toán vào hệ thống Tabmis được thực hiện theo quy định tại các văn bản của Bộ Tài chính hướng dẫn về quy trình thủ tục nhập dự toán vào hệ thống Tabmis.

9. Thực hiện cơ chế tài chính tạo nguồn để thực hiện cải cách tiền lương năm 2020 (mức lương cơ sở 1,6 triệu đồng từ ngày 01/7/2020)

Nguồn các huyện, thành phố và các đơn vị dự toán phải đảm bảo để thực hiện cải cách tiền lương trong năm 2020 gồm:

- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2019 chưa sử dụng hết chuyển sang (nếu có).

- 70% tăng thu ngân sách địa phương thực hiện năm 2019 so với dự toán năm 2019 được HĐND tỉnh giao (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết;

không kể tăng thu các khoản sau: thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước).

- 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2019, 2020 tăng thêm so với số đã trừ trong dự toán giao đầu năm (căn cứ quyết toán thu năm 2019 và kết quả thực hiện thu năm 2020 của đơn vị); riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%.

- 50% kinh phí NSDP giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính và hỗ trợ đơn vị sự nghiệp công lập năm 2020 (nếu có).

Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách tiền lương (theo mức lương cơ sở 1,6 triệu đồng) cho các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố sau khi đã cân đối nguồn điều chỉnh tiền lương mà chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương theo chế độ quy định.

III. TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Về thu ngân sách

1.1. Tổ chức quản lý thu ngân sách theo Luật quản lý thuế, Luật Phí và Lệ phí và quy định tại Điều 55 Luật Ngân sách nhà nước và Điều 6 - Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2020.

1.2. Cơ quan Thuế, Hải quan tăng cường theo dõi, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về thuế, việc khai báo tên hàng, mã hàng, thuế suất, trị giá, số lượng,... để phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu thuế, trốn thuế; giảm tỷ lệ nợ thuế; mở rộng triển khai hóa đơn điện tử. Tăng cường quản lý thu, mở rộng cơ sở thuế, cải cách, hiện đại hóa ngành thuế. Đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, trốn thuế, chuyển giá,... bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước.

Tiếp tục nâng cao chất lượng kiểm tra thuế đối với các hộ kinh doanh có quy mô lớn hoặc sử dụng nhiều lao động, sử dụng nhiều hóa đơn, đáp ứng điều kiện lên doanh nghiệp nhưng chưa chuyển đổi thành doanh nghiệp; hộ kinh doanh nghề ăn uống, dịch vụ, thương mại, hộ kinh doanh có từ 02 điểm kinh doanh trở lên,... đảm bảo quản lý doanh thu tính thuế sát với doanh thu thực tế.

Thực hiện rà soát các dự án hết thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế; các giấy phép cấp quyền khai thác khoáng sản để triển khai thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Rà soát, xác định cụ thể các đối tượng đang được nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn, nhất là các dự án hết thời gian được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật đất đai năm 2013, cơ quan tài nguyên và môi trường hoàn chỉnh hồ sơ về đất đai, chuyển cho cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính và đôn đốc, thu nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu từ đất đai vào ngân sách nhà nước.

1.3. UBND cấp huyện, cơ quan, đơn vị triển khai đầy đủ, kịp thời Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 2/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công. Tổ chức việc rà soát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe ô tô, máy móc, thiết bị bảo đảm theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công. Thực hiện nghiêm quy định về đấu giá khi thực hiện bán, chuyển nhượng, cho thuê tài sản công, giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đất đai.

1.4. Không hạch toán các khoản thu phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí vào ngân sách nhà nước. Chỉ thực hiện nộp ngân sách đối với khoản phí, lệ phí còn lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại văn bản số 6084/BTC-NSNN ngày 25/5/2018.

1.5. Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp phát sinh việc nhà đầu tư tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhưng dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định chưa bố trí nhiệm vụ chi bồi thường, giải phóng mặt bằng tương ứng, UBND tỉnh căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất để làm cơ sở hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức quản lý điều hành ngân sách nhà nước

2.1. Đối với nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi và vốn viện trợ không hoàn lại:

a) Đối với nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi:

- Đối với vốn cấp phát từ ngân sách trung ương: Trường hợp trong năm phát sinh khoản vay mới, hoặc có nhu cầu giải ngân vượt dự toán giao, địa phương báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với chi ĐTPT) và Bộ Tài chính (đối với chi thường xuyên) để tổng hợp trình Chính phủ xem xét quyết định.

- Đối với vốn Chính phủ vay về cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vay lại, thực hiện giải ngân trong phạm vi dự toán tổng mức vay và bội chi ngân sách của địa phương đã được Quốc hội quyết định.

b) Đối với nguồn vốn viện trợ không hoàn lại:

Căn cứ dự toán Thủ tướng Chính phủ giao: UBND tỉnh giao chi tiết theo danh mục và mức vốn cụ thể cho từng chương trình, dự án trong tổng mức được giao theo các quyết định tiếp nhận và văn kiện viện trợ đã ký kết.

c) Đối với Chương trình giải ngân dựa trên kết quả, các ngành chủ quản chương trình báo cáo các Bộ, ngành TW liên quan bố trí kinh phí hoàn trả nguồn ngân sách địa phương đã tạm cấp để thực hiện chương trình.

2.2. Tổ chức, điều hành dự toán chi

a) Chi đầu tư phát triển thực hiện theo văn bản số 4106/UBND-KTTH ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh, về việc triển khai thực hiện các quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH và đầu tư công năm 2020.

b) Đối với số thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và các nguồn thu khác gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, trong điều hành các huyện, thành phố cần căn cứ dự toán đã được giao và tiến độ thực hiện thu thực tế, trường hợp dự kiến giảm thu so với dự toán, đồng thời ngân sách địa phương không thể bù đắp từ các khoản tăng thu khác thì phải chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này.

c) Các huyện, thành phố và đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao; Kho bạc nhà nước thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ bảo đảm theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định và trong phạm vi dự toán được duyệt, trong đó lưu ý:

(1) Quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo đúng dự toán được giao, giải ngân vốn trong phạm vi kế hoạch, vay nợ trong hạn mức được giao; hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán, các trường hợp ứng trước dự toán thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

(2) Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên; giảm kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, khảo sát ở nước ngoài; thực hiện mua sắm trang thiết bị đúng quy định; chỉ ban hành chính sách làm tăng chi NSDP khi thực sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; chủ động sắp xếp chi thường xuyên, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương, không để xảy ra tình trạng nợ lương, nợ các khoản đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức, các khoản chi cho con người và chính sách ASXH.

(3) Thực hiện Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn chi thường xuyên:

- Đối với sản phẩm, dịch vụ công: Thực hiện theo Quyết định số 2252/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của UBND tỉnh quy định phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn chi thường xuyên, thực hiện từ năm ngân sách 2020.

- UBND các cấp căn cứ nội dung của Nghị định và mẫu biểu số 01 đến 04 ban hành kèm theo Nghị định để triển khai thực hiện.

(4) Sự nghiệp khoa học và công nghệ

Đề đơn giản thủ tục đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất với UBND tỉnh triển khai văn bản của Bộ Tài chính về khoán chi sự nghiệp khoa học - công nghệ và có quy định về tỷ lệ thu hồi sản phẩm trong nghiên cứu, ứng dụng của các đề tài, dự án KHCN để có nguồn lực đầu tư cho KHCN.

(5) Đối với kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất từ nguồn chi thường xuyên thực hiện theo Thông tư 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ Tài chính và văn bản số 247/UBND-KTTH ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất từ nguồn chi thường xuyên thuộc địa phương quản lý.

(6) Đối với nguồn ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội địa phương quản lý và sử dụng theo Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 và Quyết định số 2249/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn của NSĐP ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với đối tượng chính sách trên địa bàn.

(7) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chủ động trình HĐND cấp huyện cắt giảm, điều chỉnh nhiệm vụ chi thường xuyên nguồn NSNN khi không hoàn thành dự toán thu được HĐND tỉnh giao.

(8) Đẩy nhanh việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015-2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017-2021. Đối với các địa phương, sử dụng phần kinh phí ngân sách nhà nước giảm chi do thực hiện các Nghị quyết này theo hướng:

- 50% bổ sung vào nguồn cải cách tiền lương để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở trong từng lĩnh vực hành chính và các lĩnh vực có đơn vị sự nghiệp;

- 50% còn lại thực hiện chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất của lĩnh vực tương

ứng. Việc quyết định chi cho từng nội dung do các địa phương quyết định theo đúng thẩm quyền quy định tại Luật ngân sách nhà nước.

Kết thúc năm, chậm nhất trước ngày 31 tháng 3 năm 2021, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) kết quả thực hiện phân giảm chi ngân sách nhà nước chi tiết theo các phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05 và 06 đính kèm Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2020.

- Hết năm ngân sách các huyện, thành phố và các đơn vị dự toán có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn gửi Sở Tài chính trước ngày 28/02/2021 để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định.

(9) Thực hiện quản lý và sử dụng một số hoạt động và lĩnh vực theo Thông tư của Bộ Tài chính được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung trong năm 2019 như: Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15/01/2019 quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến; Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện hoạt động khuyến nông (HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết đối với nội dung thuộc thẩm quyền, còn lại thực hiện theo quy định của Thông tư từ năm ngân sách 2020)...

(10) Nghiên cứu các văn bản ban hành, bãi bỏ và sửa đổi Nghị quyết của HĐND tỉnh trong năm 2019 để tổ chức triển khai thực hiện.

(11) Báo cáo tình hình thực hiện dự toán NSNN theo quy định.

2.3. Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia

Thực hiện theo quy định hiện hành của TW; Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành đến hết năm 2019 và văn bản tổ chức thực hiện của UBND tỉnh, bao gồm Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chính sách liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thực hiện theo Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 và Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

2.4. Cấp phát, thanh toán kinh phí

Thực hiện theo Điều 8 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2020.

2.5. Điều chỉnh dự toán của đơn vị sử dụng ngân sách

- Thực hiện theo Điều 9 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2020.

- Thời gian điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách hoàn thành trước ngày 15/11/2020.

2.6. Thực hiện chuyển nguồn sang năm sau

UBND các huyện, thành phố rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn sang năm sau, chỉ chuyển nguồn các nội dung chi theo đúng quy định tại Khoản 3, Điều 64 Luật ngân sách nhà nước, Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2020.

3. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí


Ngoài việc thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên theo quy định tại mục 2.2 nêu trên, các cơ quan, đơn vị và UBND cấp huyện, xã tổ chức chỉ đạo thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm và chống lãng phí. Đồng thời xử lý kịp thời, đầy đủ những sai phạm được phát hiện qua công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân và thực hiện chế độ trách nhiệm đối với thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách trong quản lý điều hành ngân sách khi để xảy ra thất thoát, lãng phí, sử dụng ngân sách sai chế độ, chính sách.

4. Thực hiện công khai tài chính, ngân sách nhà nước

Thực hiện theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách và Điều 12 Thông tư số 88/2019/TT-BTC ngày 24/12/2019 của Bộ Tài chính về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2020.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH K14 tỉnh HG;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành, ĐVDT khối tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy;
- HĐND, UBND các huyện/TP;
- Cục Thuế, Cục Hải quan;
- Kho bạc nhà nước tỉnh, huyện;
- UBND cấp xã (huyện sao gửi);
- Lưu VT, CVNCTH. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn